

PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 451 | Ngày: 02/08/2026 22:10

Thông tin ca làm việc

Người tạo: Kiều Quốc Kiệt

Doanh thu: 2.548.000 đ

Tiền mặt: 1.025.000 đ

Chuyển khoản Tingbox: 1.553.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 30.000 đ

Doanh thu cả ngày: 11.393.000 đ

Tiền mặt cả ngày: 6.534.000 đ

Chuyển khoản cả ngày: 4.889.000 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 30.000 đ

Nguyên vật liệu cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
1	Bánh Orio	4.00 Cái	0.69 Cây	0.00 Cây	Bổ sung thực tế cuối ca
2	Bột Cacao	348.00 gram	0.30 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
3	Bột Đá Xay	126.00 gram	0.87 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
4	Bột Milk Foam	319.00 gram	0.68 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
5	Bơ Đậu Phộng	293.00 gram	0.00 hủ	1.00 hủ	Bổ sung thực tế cuối ca
6	Cà Phê	903.00 gram	1.10 túi	2.00 túi	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
7	Đào Ngâm	360.00 gram	0.56 Hộp	0.00 Hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
8	Mút đào	107.00 gram	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
9	Hồng Trà	578.00 gram	0.04 Gói	3.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
10	Soda	5.00 lon	7.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
11	Syrup Bạc Hà	276.00 ml	0.41 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
12	Syrup Lựu Đỏ	93.00 ml	0.87 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
13	Mút Chanh Dây	450.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
14	Mút Kiwi	861.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
15	Mút Mãng Cầu	446.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
16	Mút Việt Quất	1095.00 ml	0.00 Chai	1.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
17	Mút Xoài	473.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
18	Sữa Tươi Không Đường	687.00 ml	2.31 Hộp	2.00 Hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
19	Syrup Curacao	930.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
20	Syrup Đào	695.00 ml	0.31 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
21	Mứt ổi hồng	590.00 gram	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
22	Trà Ô Long	546.00 gram	0.09 Gói	8.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
23	Nước suối	7.00 chai	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
24	Trà Ô Long Đào	574.00 gram	0.04 Gói	4.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
25	Trân Châu 3Q Ngọc Trai	1760.00 gram	0.12 Gói	1.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
26	Sốt Matcha	223.00 ml	0.65 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
27	Sốt Chocolate	49.00 ml	0.92 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
28	Syrup Táo	698.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
29	Bột Kem Muối	149.00 ml	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
30	Bia Heineken bạc	11.00 Lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
31	Bia Heineken xanh	19.00 Lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
32	Cam	1980.00 gram	1.02 Kg	0.00 Kg	Bổ sung thực tế cuối ca
33	Cà Rốt	2522.00 gram	0.48 Kg	0.00 Kg	Bổ sung thực tế cuối ca
34	Bánh yến mạch gạo lức đỏ	536.00 gram	0.00 gram	0.00 gram	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
35	Coca Cola	26.00 lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
36	Dưa Hấu	643.00	0.00 Trái	0.00 Trái	Bổ sung thực tế cuối ca
37	Pepsi	21.00 lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
38	Trà dưỡng tâm	10.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
39	Trà dưỡng nhan	2.00 Gói	8.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
40	Vải Ngâm	10.00 Trái	0.00 Trái	0.00 Trái	Bổ sung thực tế cuối ca
41	Đậu Phộng Tỏi Ớt	29.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
42	Đậu Phộng Tôm - Rong Biển	25.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
43	Hương Dương	11.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
44	Bột Matcha	968.00 gram	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
45	Trà lài	446.00 Gram	0.00 Gói	4.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
46	Rich lùn	40.00 ml	0.00 hộp	0.00 hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
47	Yaourt	15.00 Hũ	0.00 Hũ	0.00 Hũ	Bổ sung thực tế cuối ca
48	Bánh dad	31.00 Gói	0.00 Bịch	0.00 Bịch	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
49	Cốt chanh	107.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
50	Mút hạt dẻ cười	457.00 Gram	0.00 Gr	0.00 Gr	Bổ sung thực tế cuối ca
51	Sốt caramel muối	752.00 Gr	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
52	Syrup Atiso	804.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
53	Syrup Bí đao	1224.00 Gr	0.00 Gr	0.00 Gr	Bổ sung thực tế cuối ca
54	Syrup vải	266.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
55	Syrup hazelnut	504.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
56	Syrup hoa hồng	1127.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
57	Syrup trà xanh	781.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
58	Syrup vanilla	195.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
59	Tiger Bạc	3.00 Lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
60	Sốt hạt dẻ cười	52.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....